

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH B THUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2021/DS-ST**.

Ngày: 23 – 7 – 2021.

V/v: “*Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay T sản và
tranh chấp về hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH B THUAN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Thông Phi.
2. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2020/TLST – DS ngày 30/11/2020; về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay T sản và tranh chấp về hụi”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 43/2021/QĐST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 7, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1981 và ông Trần Tiến D, sinh năm 1977; cùng trú địa chỉ: Thôn 4, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Sỹ T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 7, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Vắng mặt (Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện, yêu cầu buộc vợ chồng chị Bùi Thị Th, anh Trần Tiến D phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà B tổng số tiền là **480.000.000 đồng**; trong đó có 160.000.000 đồng tiền hụi và 320.000.000 đồng tiền vay gốc. Ngoài ra bà B còn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc 320.000.000 đồng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định, theo từng mốc thời gian tương ứng với thời điểm vay từng khoản tiền khác nhau. Bởi vì: Ngày 15/01/2019 âm lịch, bà B tham gia tổ hụi 5.000.000 đồng do bà Th làm chủ; bà B tham gia 04 phần hụi, mỗi phần đều đã góp được 10 kỳ, tương ứng số tiền 160.000.000 đồng. Ngoài tiền hụi ra thì ngày 04/7/2019 âm lịch vợ chồng bà Th còn vay của bà B 150.000.000 đồng, đến ngày 20/7/2019 âm lịch vay của bà B 100.000.000 đồng và ngày 10/9/2019 vay tiếp của bà B 70.000.000 đồng. Quá trình tham gia hụi và vay tiền thì bà Th đều có sổ theo dõi và viết giấy vay tiền giao bên bà B cất giữ. Sau đó bà Th tuyên bố vỡ hụi, không còn khả năng thanh toán tiền hụi và vay nên bà B mới khởi kiện.

[2]. Bị đơn – bà Bùi Thị Th và ông Trần Tiến D: Quá trình xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án thể hiện vợ chồng bà Thủy, ông D có hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã Gia An, huyện Tánh Linh. Tuy nhiên, bà Th và ông D thường đi làm ăn xa, hiện tại không có mặt ở địa phương. Mặc dù đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Thủy, ông D vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

[3]. Quá trình tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Lê Sỹ T không tham gia tố tụng mà ủy quyền bằng văn bản cho bà Nguyễn Thị B đại diện tham gia tố tụng.

[4]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- T liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bao gồm: 03 giấy ghi theo dõi đóng tiền hụi và 01 giấy vay tiền, bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy ủy quyền.

- Bị đơn không cung cấp T liệu, chứng cứ.

- Chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản ghi lời khai của bà B và kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B Thuận.

[5]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng bà Bùi Thị Thủy, ông Trần Tiến D phải liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Lê Sỹ T số tiền 480.000.000 đồng và tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc 320.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Buộc vợ chồng bà Thủy, ông D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên Tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị B, bị đơn – bà Bùi Thị Th, ông Trần Tiến D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Sỹ T đều vắng mặt. Trong đó, bà B đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã có văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho bà B; riêng bà T, ông D vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ phát sinh từ việc chơi hụi và vay T sản. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hụi*” là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc T sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Tánh Linh, tỉnh B Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh B Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu trả tiền hụi và tiền vay gốc của nguyên đơn:

Thể hiện yêu cầu khởi kiện tại các bút lục số 07, 21, 23 và đơn xin xét xử vắng mặt có tại hồ sơ; Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị B yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị Th, ông Trần Tiến D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà B tổng số tiền là 480.000.000 đồng, trong đó có 160.000.000 đồng tiền hụi và 320.000.000 đồng tiền vay gốc. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà B đã cung cấp T liệu là các giấy ghi theo dõi việc đóng tiền hụi hàng tháng và giấy vay tiền của bà Th.

Về phía bị đơn – bà Bùi Thị Th và ông Trần Tiến D, quá trình tố tụng đã được Tòa án thông báo hợp lệ việc bà Nguyễn Thị B khởi kiện đối với vợ chồng bà Th, ông D nhưng đương sự vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Để có căn cứ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị B đã yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ viết và chữ ký của bà Th trong các T liệu, chứng cứ mà bà B đã cung cấp. Tại Kết luận giám định số 434/KLGĐ-PC09, ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B Thuận đã xác định: *“Chữ viết, chữ số trên các T liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị Th trên các T liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M12 là do cùng một người viết”*.

Như vậy, từ lời trình bày của đương sự, theo các T liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như kết quả giám định chữ viết, chữ ký của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B Thuận thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định hiện nay vợ chồng bà Bùi Thị Th, ông Trần Tiến D có thiếu vợ chồng bà Nguyễn Thị B tổng số tiền là 480.000.000 đồng, trong đó có 160.000.000 đồng tiền hụi và 320.000.000 đồng tiền vay gốc. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà B đối với vợ chồng bà Thủy, ông D là có căn cứ, được chấp nhận. Theo đó cần buộc vợ chồng bà Thủy, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà B, ông T số tiền **480.000.000 đồng** còn thiếu là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét về yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc của nguyên đơn:

Ngoài yêu cầu trả tiền vay gốc thì bà Nguyễn Thị B còn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc 320.000.000 đồng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam quy định, theo từng mốc thời gian tương ứng với thời điểm vay từng khoản tiền khác nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo Kết luận giám định số 434/KLGD-PC09, ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B Thuận xác định chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền bà B cung cấp là của bà Thủy. Theo nội dung giấy vay tiền thì việc vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay T sản không có thời hạn, không ghi lãi suất thỏa thuận; khi đến hạn mà bên vay không thực hiện trả tiền gốc thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Do đó yêu cầu tính lãi phát sinh của bà B là có căn cứ được chấp nhận. Tuy nhiên, bà B chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định nên cần ghi nhận. Tại biên bản làm việc với Tòa án trước thời điểm mở phiên Tòa, bà B xác định thời điểm tháng 10/2019 thì bà B đã thông báo, yêu cầu vợ chồng bà Th phải trả tiền vay gốc nhưng vợ chồng bà Th trốn tránh không trả. Do đó, thời gian chậm trả để tính lãi được xác định là tháng 01/2020, tức là không quá 03 tháng kể từ thời điểm thông báo theo điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 320.000.000 đồng x 18 tháng (từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2021) x 0,75%/tháng (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 là 9%/năm) = **43.200.000 đồng**.

[5]. *Về chi phí giám định chữ viết*: Kết quả giám định đã xác định đối tượng cần giám định là chữ viết của bà Bùi Thị Th, kết luận này được Hội đồng xét xử dùng làm chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó cần buộc bà Th phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí giám định chữ viết là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; cần buộc bà Th phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà B số tiền 3.060.000 đồng chi phí giám định là phù hợp.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc vợ chồng bà Bùi Thị Th, ông Trần Tiến D phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] *Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh B Thuận*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Bùi Thị Thủy, ông Trần Tiến D phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Lê Sỹ T số tiền 480.000.000 đồng và tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc theo quy định của pháp luật; vợ chồng bà Th ông D phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 160, 161, 162, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị B. Buộc vợ chồng bà Bùi Thị Th, ông Trần Tiến D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Lê Sỹ T số tiền **523.200.000 đồng**. Chia phần bà Th, ông D mỗi người phải trả cho vợ chồng bà B, ông T số tiền 261.600.000 đồng.

- Buộc bà Bùi Thị Th phải chịu chi phí giám định chữ viết. Buộc bà Th phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền **3.060.000 đồng** chi phí giám định.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc vợ chồng bà Bùi Thị Th và ông Trần Tiến D phải nộp 24.920.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 5.800.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số N. 0004439, ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ